

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 11/2022/DS-PT  
Ngày 24-3-2022  
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Anh Sơn

*Các Thẩm phán:*

Ông Đặng Minh Hạnh

Ông Lương Ngọc Dũng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đào Thị Hồng Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:*** Bà Nguyễn Bích Thanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2021/DSPT ngày 12/11/2021 về tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 25/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Ngô Thị Y (tên khác Hoàng Lệ T); địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Số 56 đường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; địa chỉ nơi ở: Xóm X, thôn H1, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng; có mặt.

***Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Mai H; địa chỉ: Số 12/51 đường H1, phường H2, quận L, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền; có mặt.

***- Bị đơn:*** Chị Tống Thị L; địa chỉ: Xóm X, thôn H1, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng; có mặt.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày Y; địa chỉ: Xóm X, thôn H1, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Ngọc A:* Chị Tổng Thị L; địa chỉ: Xóm X, thôn H1, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng, là mẹ đẻ cháu Nguyễn Ngọc A là người đại diện theo pháp luật; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Nguyễn Ngọc A:* Ông Trần Minh Ngh - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Ông Nguyễn Quốc V; địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Số 56 đường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; địa chỉ chỗ ở: Xóm X, thôn H1, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Ngọc A1; địa chỉ: Số Y đường N, phường Đồng Quốc B, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị G; địa chỉ: Thôn H1 2, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

5. Chị Tổng Thị Q; địa chỉ: Thôn H1 2, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

6. Chị Nguyễn Thị D; địa chỉ: Thôn H1 2, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

7. Người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của anh Tổng Khánh Ch: Ông Tổng Khánh Đ, bà Nguyễn Thị G, chị Tổng Thị Thùy Tr, chị Tổng Thị Thùy L, cháu Tổng Khánh B, địa chỉ: Thôn H1 2, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng, đều vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Thị Ng; địa chỉ: Thôn H1, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

9. Anh Tổng Phú B; địa chỉ: B khu tập thể Đồng Quốc B, phường Đồng Quốc B, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Chị Tổng Thị L là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hoài A2 sinh năm 1969, chết ngày 24/3/2020. Anh Nguyễn Hoài A2 có 02 người vợ: Người vợ thứ nhất tên Vũ Thị Hoàng Y đã ly hôn năm 2010. Anh Nguyễn Hoài A2 và chị Yên có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc A1, sinh năm 1994. Người vợ thứ hai tên Tổng Thị L. Anh Nguyễn Hoài A2 và chị Liên có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc A, sinh năm 2014. Cha đẻ anh Anh tên Nguyễn Quốc V, mẹ đẻ tên Ngô Thị Y. Anh Nguyễn Hoài A2 không có con nuôi, con riêng nào khác, không có cha mẹ nuôi. Sau khi anh Nguyễn Hoài A2 ly hôn với chị Yên, vợ chồng bà Y, ông Việt mua 01 mảnh đất diện tích 369m<sup>2</sup>, thửa số 654, tờ bản đồ số 14, địa chỉ: Thôn H1, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng với giá 140.000.000 đồng và để cho anh Nguyễn Hoài A2 đứng tên trong các thủ tục giấy tờ. Ngày 12/11/2010, Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng đã cấp Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số BB591196 cho người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là anh Nguyễn Hoài A2. Vợ chồng bà Y, ông Việt và anh Nguyễn Hoài A2 cùng chung sống trên diện tích đất này. Ngày 24/3/2020, anh Nguyễn Hoài A2 chết không để lại di chúc. Sau khi anh Nguyễn Hoài A2 chết, chị Tổng Thị L đã thường xuyên có hành vi xúc phạm vợ chồng bà Y, ông Việt và yêu cầu vợ chồng bà Y, ông Việt phải đi khỏi căn nhà ở thôn H1, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng. Nay, nguyên đơn đề nghị: Tòa án chia di sản thừa kế của anh Nguyễn Hoài A2 là diện tích đất 369m<sup>2</sup> và toàn bộ tài sản trên đất tại thửa đất số 654, tờ bản đồ số 14, địa chỉ: Thôn H1, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng theo quy định pháp luật. Bà Y đề nghị được nhận di sản bằng hiện vật và tiếp tục được ở, sinh sống trên diện tích đất này, vì ngoài chỗ ở này bà Y, ông Việt không còn chỗ ở nào khác.

Đối với yêu cầu chia nợ chung của chị Tổng Thị L, bà Y đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu này, vì việc anh Nguyễn Hoài A2 điều trị bệnh đã có Bảo hiểm y tế chi trả. Việc chị Liên vay tiền, vàng của ai thì bà Y, ông Việt không nắm rõ, không biết chị Liên dùng vào việc gì.

*Trình bày và yêu cầu của bị đơn:* Thống nhất với trình bày của bà Ngô Thị Y về họ, tên, tuổi, năm sinh, năm chết và các người con của anh Nguyễn Hoài A2 và cho rằng khi anh Nguyễn Hoài A2 còn sống, anh Nguyễn Hoài A2 có tài sản là diện tích đất 369m<sup>2</sup> tại thửa số 654, tờ bản đồ số 14, địa chỉ tại thôn H1, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng, diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/11/2010 tên người sử dụng là anh Nguyễn Hoài A2. Tài sản gắn liền với đất có 02 căn nhà cấp bốn, 01 nhà ngang, công trình phụ, cây trồng trên đất. Trước khi anh Nguyễn Hoài A2 chết, thì ngày 05/12/2019 anh Nguyễn Hoài A2 đã có di chúc để lại cho con gái là cháu Nguyễn Ngọc A toàn bộ diện tích đất của thửa số 654, tờ bản đồ số 14, địa chỉ tại thôn H1, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng. Di chúc có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng. Do vậy đối với đề nghị chia di sản thừa kế của bà Ngô Thị Y đối với di sản thừa kế của anh Nguyễn Hoài A2 đề nghị Tòa án chia theo di chúc.

Ngoài ra, bị đơn có yêu cầu phản tố đề nghị: Tòa án chia các khoản nợ chung của vợ chồng khi anh Nguyễn Hoài A2 còn sống cụ thể như sau: Nợ bà Nguyễn Thị G 02 cây vàng, bằng 108.000.000 đồng; nợ chị Tổng Thị Q 1,5 cây vàng bằng 81.000.000 đồng; nợ chị anh Tổng Khánh Ch, Nguyễn Thị D 01 cây vàng bằng 54.000.000 đồng; nợ của anh Tổng Phú B 01 cây vàng bằng 54.000.000 đồng; nợ bà Nguyễn Thị Ng 02 cây vàng và 70.000.000 đồng bằng 178.000.000 đồng. Bị đơn yêu cầu những người thừa kế theo pháp luật của anh Nguyễn Hoài A2 là bà Ngô Thị Y, ông Nguyễn Quốc V, chị Tổng Thị L, anh Nguyễn Ngọc A1, cháu Nguyễn Ngọc A phải có trách nhiệm thanh toán số nợ trên theo quy định của pháp luật.

*Trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Quốc V, anh Nguyễn Ngọc A1: Thống nhất với trình bày và đề nghị của bà Ngô Thị Y.*

*Trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị G, chị Tống Thị Q, vợ chồng anh Tống Khánh Ch và chị Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Ng, anh Tống Phú B: Thống nhất với trình bày và đề nghị của chị Tống Thị L.*

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng đã căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 2 Điều 147, Điều 162, khoản 1 Điều 164, khoản 1 Điều 166, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các điều 237, 611, 612, 613, khoản 1 Điều 623 và các điều 624, 625, 627, 628, 635, 643, 644, 649, 650, 651, 659, 660 của Bộ luật Dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 1, khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 3 của Luật Đất đai năm 1993; căn cứ khoản 3 Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Y: Chia di sản thừa kế của anh Nguyễn Hoài A2 đối với diện tích đất theo di chúc, đối với tài sản trên đất theo pháp luật:

- Xác định diện tích đất 76m<sup>2</sup> (trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Nguyễn Hoài A2), thuộc các mốc (19,20,7,8,9,14), thuộc thửa đất số 654, tờ bản đồ số 14, địa chỉ tại thôn H1 4, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng và diện tích đất 45m<sup>2</sup> anh Nguyễn Hoài A2 tự sử dụng (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thuộc các mốc (18,19,14,15) là ngõ đi chung của bà Ngô Thị Y, ông Nguyễn Quốc V, chị Tống Thị L, cháu Nguyễn Ngọc A.

- Bà Ngô Thị Y, ông Nguyễn Quốc V được nhận chung phần di sản thừa kế là quyền sử dụng đất 85m<sup>2</sup>, thuộc các mốc (9,10,11,4,12,13,14), thuộc thửa đất số 654, tờ bản đồ số 14, địa chỉ tại thôn H1 4, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng trên đất có tài sản là 01 căn nhà mái ngói diện tích 32m<sup>2</sup>, 01 bể nước có diện tích 4m<sup>2</sup>, tường bao có chiều dài là 22,1m, 02 cây đu đủ. Bà Ngô Thị Y, ông Nguyễn Quốc V tiếp tục được sử dụng diện tích đất 45m<sup>2</sup> liền kề, thuộc các mốc (14,15,16,17,3,4,12,13) là diện tích đất anh Nguyễn Hoài A2 tự sử dụng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; bà Y, ông Việt khi hợp thức hóa diện tích đất này phải thực hiện theo đúng thủ tục của pháp luật.

- Chị Tống Thị L, cháu Nguyễn Ngọc A được nhận chung phần di sản là diện tích đất 208m<sup>2</sup>, thuộc các mốc (8,9,10,11,4,5,6), thuộc thửa đất số 654, tờ bản đồ số 14, địa chỉ tại thôn H1 4, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng trên đất có tài sản là 01 nhà mái bằng diện tích 27m<sup>2</sup>, bếp có diện tích 18,9m<sup>2</sup>, chuồng lợn diện tích 25,2m<sup>2</sup>, nhà vệ sinh, lán lợn có kích thước là 23,22m<sup>2</sup>, 01 cây xoài,

01 cây nhãn, 01 cây dừa, 9,9m tường bao, phần sân. Chị Tổng Thị L là người quản lý tài sản này cho cháu Nguyễn Ngọc A đến khi cháu đủ 18 tuổi và được sử dụng cùng cháu Nguyễn Ngọc A. Chị Tổng Thị L, cháu Nguyễn Ngọc A được tiếp tục sử dụng diện tích đất 13m<sup>2</sup> liền kề thuộc các mốc (4,3,1,5) là diện tích đất anh Nguyễn Hoài A2 tự sử dụng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; chị Liên, cháu Ngọc Ánh khi hợp thức hóa diện tích đất này phải thực hiện theo đúng thủ tục của pháp luật.

2. Chị Tổng Thị L phải thanh toán cho anh Nguyễn Ngọc A1 số tiền chênh lệch tài sản là 68.550.277 đồng, thanh toán cho bà Ngô Thị Y, ông Nguyễn Quốc V là 34.908.480 đồng. Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu về khoản tiền được thi hành án, nếu người được thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Tổng Thị L: Về yêu cầu chia các khoản nợ đối với bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị Ng, chị Tổng Thị Q, vợ chồng anh Tổng Khánh Ch chị Nguyễn Thị Diu, anh Tổng Phú B cho các đồng thừa kế. Tách yêu cầu trả nợ này ra giải quyết ở vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí, chi phí tố tụng: Về án phí: Bà Ngô Thị Y, ông Nguyễn Quốc V, cháu Nguyễn Ngọc A được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Chị Tổng Thị L phải nộp 26.992.091 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.500.000 đồng, chị Liên còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 15.492.0091 đồng. Anh Nguyễn Ngọc A1 phải nộp 3.427.514 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Về chi phí tố tụng: Bà Ngô Thị Y đã nộp đủ chi phí định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí giám định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí; tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/10/2021 chị Tổng Thị L là bị đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Bản án sơ thẩm không thỏa đáng, không công bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý với bản án sơ thẩm.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày không đồng ý với bản án sơ thẩm, đề nghị xem xét công sức tu bổ, sửa chữa nhà cửa và xác định các khoản nợ là nợ chung của vợ chồng và vợ chồng có trách nhiệm trả nợ chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới, không yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của

Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; chấp nhận một phần kháng cáo của chị Tống Thị L, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng theo hướng cần xác định tài sản vật kiến trúc trên đất là tài sản chung của vợ chồng chị L với tổng giá trị : 104.504.604 đồng; gồm: 1. Nhà 01 tầng mái bằng 27,3 m<sup>2</sup> trị giá 36.527.964 đồng (gồm: cầu thang trị giá 384.586 đồng, gác xép 6.799.922 đồng, cửa sổ gác sau 376.992 đồng, ô thoáng 464.640 đồng, ốp tường nhựa phía trong nhà 22.232.352 đồng, mặt trước ốp 1.945.152 đồng, nền nhà ốp gạch 4.324.320 đồng). 2. Nhà vệ sinh 12.824.522 đồng. 3. Lán lợp tôn 7.476.840 đồng, 4. Nhà bếp (trừ diện tích nền nhà, hệ thống lắp đặt điện) 16.054.270 đồng, 5. Nhà 01 tầng 32,12m<sup>2</sup> (trừ phần xây trước ) 31.621.008 đồng, các loại cây trồng 7.270.000 đồng. Về tài sản gắn liền với đất là di sản thừa kế của anh Nguyễn Hoài A2 bằng tổng giá trị tài sản là 342.751.386 đồng, trừ đi giá trị lán tôn 6.336.960 đồng do bà Yêu, ông Việt tự làm, trừ đi ½ giá trị tài sản chung tăng thêm của vợ chồng anh Nguyễn Hoài A2 và chị Liên là 52.252.302 đồng, bằng tổng số tiền 284.162.124 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp , thẩm quyền: Đây là tranh chấp về thừa kế tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại huyện V, thành phố Hải Phòng nên căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Do vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Anh Nguyễn Hoài A2 chết ngày 24/3/2020, ngày 28-9-2020 nguyên đơn khởi kiện chia di sản thừa kế; ngày 14/12/2020 chị Tống Thị L có đơn phản tố yêu cầu chia khoản nợ của vợ chồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự việc khởi kiện của bà Y và yêu cầu phản tố của chị Liên trong thời hiệu khởi kiện, vụ án được xem xét giải quyết. Tòa án cấp sơ thẩm xác định có căn cứ.

[3] Về những người tham gia tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đầy đủ người tham gia tố tụng. Tuy nhiên, tại giai đoạn phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Tống Khánh Ch chết nên căn cứ Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của anh Tống Khánh Ch như nêu phần đầu bản án.

[4] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn về di sản thừa kế: Anh Nguyễn Hoài A2 là người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng cấp ngày 12/11/2010 đối với diện tích đất 369m<sup>2</sup> tại thửa số 654, tờ bản đồ số 14, địa chỉ tại thôn H1, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng. Tài sản gắn liền với đất là 02 căn nhà cấp bốn, 01 nhà ngang, công trình phụ, cây trồng trên đất gồm 01 cây xoài, 03 cây nhãn, 02 cây đu đủ, 01 cây dừa, 01 cây mít, 01 cây hồng xiêm, 01 cây na, 02 cây cau. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất nội dung này. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 612 của Bộ luật Dân sự xác định di sản thừa kế do anh Nguyễn Hoài A2 chết đi để lại là diện tích đất 369m<sup>2</sup> tại thửa số 654, tờ bản đồ số 14, địa chỉ tại thôn H1, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng. Phân tích nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ.

[4.1] Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng các đương sự thống nhất tài sản gắn liền với đất là tài sản chung của vợ chồng. Nhưng tại giai đoạn sơ thẩm chị L cho rằng tài sản gắn liền với đất phải tách riêng phần tài sản tăng thêm vì trong quá trình vợ chồng anh chị sinh sống đã tôn tạo, sửa chữa. Theo Bảng định giá tài sản, diện tích đất và công trình xây dựng gắn liền với đất thì có một số loại tài sản vật kiến trúc hình thành sau khi vợ chồng kết hôn, các đương sự không ai có ý kiến về kết quả định giá. Như vậy, các tài sản hình thành sau khi vợ chồng kết hôn là tài sản phát sinh trong thời kỳ chung sống hôn nhân hợp pháp gì ữa anh Nguyễn Hoài Anh và chị Tống Thị Liên, nên căn cứ Điều 33 Luật Hôn nhân gia đình, cần xác định là tài sản chung của vợ chồng chị L với tổng giá trị: 104.504.604 đồng; gồm: 1. Nhà 01 tầng mái bằng 27,3 m<sup>2</sup> trị giá 36.527.964 đồng (gồm: cầu thang trị giá 384.586 đồng, gác xép 6.799.922 đồng, cửa sổ gác sau 376.992 đồng, ô thoáng 464.640 đồng, ốp tường nhựa phía trong nhà 22.232.352 đồng, mặt trước ốp 1.945.152 đồng, nền nhà ốp gạch 4.324.320 đồng). 2. Nhà vệ sinh 12.824.522 đồng. 3. Lán lợp tôn 7.476.840 đồng, 4. Nhà bếp (trừ diện tích nền nhà, hệ thống lắp đặt điện) 16.054.270 đồng, 5. Nhà 01 tầng 32,12m<sup>2</sup> (trừ phần xây trước) 31.621.008 đồng, các loại cây trồng 7.270.000 đồng. Như vậy, di sản thừa kế của anh Nguyễn Hoài A2 xác định là diện tích đất 369m<sup>2</sup> có giá trị bằng 369m<sup>2</sup> x 800.000 đồng = 295.200.000 đồng; xác định các tài sản gắn liền với đất nêu trên là tài sản chung của vợ chồng; chia di sản thừa kế của anh Nguyễn Hoài A2 là ½ giá trị tài sản là ½ x 104.504.604 đồng = 52.252.302 đồng. Chấp nhận một phần kháng cáo này của chị L về nội dung này.

[5] Về hiện trạng diện tích đất: Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ; định giá tài sản; sơ đồ hiện trạng diện tích đất do Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh huyện V, thành phố Hải Phòng lập ngày 15/01/2021, xác định diện tích đất thực tế hiện nay là 472m<sup>2</sup>. Theo sơ đồ thửa đất kèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì, diện tích đất được chứng nhận là 369m<sup>2</sup>, có các mốc giới: 5-4-12-13-14-19-20-7-6-5. Theo Công văn số 25/UBND-TNMT ngày 22/02/2021 của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện V thì diện tích đất tăng thêm 103m<sup>2</sup> so

với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do gia đình ông Nguyễn Hoài A2 tự sử dụng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có các mốc giới 1-2-3-17-16-15-18-19-14-13-12-4-5-1. Không có căn cứ xác định anh Nguyễn Hoài A2 là người sử dụng hợp pháp diện tích đất này nên không phải là di sản. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét chia là có căn cứ. Tuy nhiên, trong phần quyết định của bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên dương sự được tiếp tục sử dụng là vượt quá yêu cầu khởi kiện.

[6] Về thời điểm mở thừa kế: Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết là ngày 24/3/2020.

[7] Về người thừa kế: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự người được thừa kế di sản của anh Nguyễn Hoài A2 gồm: Ông Nguyễn Quốc V, bà Ngô Thị Y, chị Tống Thị L, cháu Nguyễn Ngọc A1, cháu Nguyễn Ngọc A. Anh Nguyễn Hoài A2 không còn người con nào khác, không có con nuôi, không có cha, mẹ nuôi. Đối với phần diện tích đất là di sản của anh Nguyễn Hoài A2, anh Nguyễn Hoài A2 đã định đoạt bằng di chúc để lại toàn bộ diện tích đất 369m<sup>2</sup> cho cháu Nguyễn Ngọc A. Tuy nhiên theo quy định tại Điều 644 của Bộ luật Dân sự thì con chưa thành niên, cha, mẹ, vợ của anh Nguyễn Hoài A2 được hưởng phần di sản bằng hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật, không phụ thuộc vào nội dung di chúc. Vì vậy, ông Nguyễn Quốc V, bà Ngô Thị Y, chị Tống Thị L vẫn được hưởng di sản bằng hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật mà không phụ thuộc vào nội dung di chúc anh Nguyễn Hoài A2 để lại toàn bộ phần di sản này cho cháu Nguyễn Ngọc A. Đối với cháu Nguyễn Ngọc A1 do đã thành niên, có việc làm nên không được áp dụng quy định này – không được hưởng di sản đối với tài sản là diện tích đất; đối với cháu Nguyễn Ngọc A do đã được anh Nguyễn Hoài A2 để lại tài sản theo di chúc nên không áp dụng quy định này. Nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ.

[8] Về việc từ chối nhận di sản: Trong vụ án này, không có đương sự từ chối nhận di sản.

[9] Về nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại; yêu cầu phân tố chia các khoản nợ của chị Tống Thị L cho các đồng thừa kế: Theo lời khai và việc trình bày của bị đơn thì trong thời gian sinh sống, vợ chồng bị đơn có vay nợ cụ thể là: Vay của bà Nguyễn Thị G 02 cây vàng, bằng 108.000.000 đồng; vay của chị Tống Thị Q 1,5 cây vàng bằng 81.000.000 đồng; vay của chị Nguyễn Thị D 01 cây vàng bằng 54.000.000 đồng; vay của anh Tống Phú B 01 cây vàng bằng 54.000.000 đồng; vay của bà Nguyễn Thị Ng 02 cây vàng và 70.000.000 đồng bằng 178.000.000 đồng. Theo các giấy vay nợ bị đơn xuất trình cho Tòa án chỉ có chữ ký của người vay là một mình bị đơn, anh Nguyễn Hoài A2 không là người vay và không ký tên trong giấy vay nợ. Bị đơn khai những khoản vay này là để chữa bệnh cho anh Nguyễn Hoài A2. Tuy nhiên, theo văn bản trả lời của Bệnh



viện Hữu Nghị Việt Tiệp Hải Phòng là nơi khám chữa bệnh và Bảo hiểm y tế Hải Phòng thì gần như toàn bộ chi phí khám chữa bệnh cho anh Nguyễn Hoài A2 là do Bảo hiểm chi trả. Đối với số tiền chênh lệch để chữa bệnh cho anh Nguyễn Hoài A2, bị đơn không có chứng cứ để chứng minh bị đơn là người chi khoản tiền này. Nên căn cứ vào Điều 45 của Luật Hôn nhân và gia đình nếu những khoản vay này là có thật thì là nợ riêng của chị Tổng Thị L, không phải là nợ chung của chị Tổng Thị L và anh Nguyễn Hoài A2. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không phải là người có yêu cầu độc lập nên việc yêu cầu thanh toán các khoản nợ này sẽ được giải quyết ở một vụ án khác theo quy định của pháp luật. Nhận định nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, không chấp nhận kháng cáo của chị Tổng Thị L về nội dung này.

[10] Về công sức tôn tạo, giữ gìn di sản thừa kế; chăm sóc người để lại di sản: Anh Nguyễn Hoài A2 chết ngày 24/3/2020, sau khi anh Nguyễn Hoài A2 chết thì bà Y, ông Việt, chị Liên cùng quản lý tài sản đến ngày 28/9/2020 (sáu tháng sau) bà Ngô Thị Y khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của anh Nguyễn Hoài A2. Ngoài ra, các đương sự không ai yêu cầu về công sức gìn giữ, tôn tạo di sản. Tòa án cấp sơ thẩm không đánh giá về công sức gìn giữ, tôn tạo di sản là có cơ sở. Tuy nhiên, do anh Nguyễn Hoài Anh bị bệnh hiểm nghèo phải điều trị nhiều năm nên xem xét tính công sức chăm sóc của chị Tổng Thị Liên tương đương 01 suất thừa kế theo pháp luật đối với giá trị phần tài sản gắn liền với đất.

[11] Về phân chia di sản theo quy định: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là chị Tổng Thị L xuất trình 01 bản Di chúc của anh Nguyễn Hoài A2 đề ngày 05/12/2019 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng vào sổ chứng thực số 183/2019, quyển số 01-SCT/HĐ,GD và đề nghị chia di sản thừa kế của anh Nguyễn Hoài A2 theo di chúc này. Phía nguyên đơn cho rằng chữ ký của anh Nguyễn Hoài A2 là không đúng và đề nghị trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trong di chúc. Tòa án đã trưng cầu giám định theo yêu cầu của nguyên đơn. Tại Kết luận giám định số 86/C09-P5 ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Viện khoa học hình sự đã kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Hoài A2 dưới mục “Người lập di chúc” so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Hoài A2 trên các mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra. Mặt khác, tại biên bản làm việc của Tòa án ngày 17/6/2021 với Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng xác định: *“Sau khi xác định việc ông Nguyễn Hoài A2 minh mẫn, sáng suốt, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, tự nguyện lập di chúc, không bị ai ép buộc, kiểm tra thấy tài sản là diện tích đất 369m2 thuộc thửa đất số 654, tờ bản đồ số 14, địa chỉ: Thôn H1 4, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng, đất đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12 tháng 11 năm 2010 mang tên người sử dụng Nguyễn Hoài A2 là tài sản cá nhân ông Nguyễn Hoài A2, không liên quan đến ai khác, Ủy ban nhân dân xã T đã chứng thực vào nội dung di chúc của ông Nguyễn Hoài A2, theo nội*

*dung di chúc thể hiện nguyện vọng của ông Nguyễn Hoài A2 như sau: Sau khi tôi qua đời thừa đất nêu trên tôi để lại cho con gái tôi Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 27 tháng 9 năm 2014, đăng ký thường trú tại H1, xã T, V, Hải Phòng được sở hữu toàn bộ. Khi đó con Nguyễn Ngọc A là chủ sở hữu duy nhất thừa đất nêu trên không ai được tranh chấp gây mất đoàn kết gia đình, chị Tổng Thị L chị được phép sử dụng thừa đất trên đến hết đời".* Căn cứ vào các Điều 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631 của Bộ luật Dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm xác định di chúc của anh Nguyễn Hoài A2 để lại là hợp pháp và phân chia phần di sản theo di chúc đối với diện tích đất 369m<sup>2</sup> tại thửa số 654, tờ bản đồ số 14, địa chỉ tại thôn H1, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng, đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/11/2010 cho anh Nguyễn Hoài A2. Đối với những tài sản còn lại là nhà ở vật kiến trúc gắn liền với đất anh Nguyễn Hoài A2 không định đoạt trong di chúc nên căn cứ vào Điều 650 của Bộ luật Dân sự chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ. Nguyên đơn, bị đơn đề nghị chia di sản bằng hiện vật và đề nghị nhận phần của mình bằng quyền sử dụng đất. Xét di sản của anh Nguyễn Hoài A2 là quyền sử dụng diện tích đất 369m<sup>2</sup> có thể chia bằng hiện vật nên căn cứ vào Điều 660 của Bộ luật Dân sự chia di sản của anh Nguyễn Hoài A2 bằng hiện vật.

[11.1] Về diện tích đất: Bà Y, ông Việt mỗi người được nhận 2/3 một suất của một người theo luật, hai người sẽ được nhận 4/3 một suất theo luật. Bà Y, ông Việt sẽ được nhận chung là  $58,6\text{m}^2 \times 4/3 = 78,13\text{m}^2$ . Phần di sản chị Liên được nhận cũng là 2/3 một suất theo luật, tương ứng với diện tích đất được nhận sẽ là  $39,067\text{m}^2$ , tương đương với giá trị là 31.253.333 đồng. Phần di sản thừa kế cháu Nguyễn Ngọc A được nhận theo di chúc sẽ là phần diện tích đất còn lại sau khi trừ đi phần diện tích đất bà Y, ông Việt, chị Liên được hưởng không phụ thuộc vào di chúc ( $78,13\text{m}^2 + 39,067\text{m}^2$ ) có diện tích là  $175,03\text{m}^2$  [ $293\text{m}^2 - (78,13\text{m}^2 + 39,067\text{m}^2)$ ]. Nhận định nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ.

[11.2] Về tài sản gắn liền với đất là di sản thừa kế của anh Nguyễn Hoài A2 bằng tổng giá trị tài sản là 342.751.386 đồng, trừ đi giá trị lán tôn 6.336.960 đồng do bà Yêu, ông Việt tự làm, trừ đi 1/2 giá trị tài sản chung tăng thêm của vợ chồng anh Nguyễn Hoài A2 và chị Liên là 52.252.302 đồng, bằng tổng số tiền 284.162.124 đồng. Giá trị tài sản gắn liền với đất được chia thành 6 phần (trong đó 05 phần thừa kế và có 01 phần công sức chăm sóc của chị L) tương đương mỗi phần bằng 47.360.354 đồng. Ông Việt, bà Yêu nhận 02 phần = 94.720.000 đồng. Cháu Nguyễn Ngọc Anh nhận 01 phần = 47.360.354 đồng. Chị L nhận 02 phần = 94.720.000 đồng. Cháu Nguyễn Ngọc Ánh nhận 01 phần = 47.360.354 đồng.

[12] Về phân chia di sản trên thực tế: Trên cơ sở thực tế sử dụng diện tích đất là di sản thừa kế của anh Nguyễn Hoài A2 và như phân tích ở trên thì di sản này cần chia theo hiện vật là quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm tách ra một phần diện tích đất để làm lối đi chung mới đảm bảo được quyền sử dụng đất của

người được chia là có cơ sở. Phần lối đi chung này có diện tích là  $76m^2$ , gồm các mốc giới: 19-20-7-8-9-14-19. Diện tích đất còn lại là  $293m^2$ . Bà Y, ông Việt được nhận chung diện tích đất  $78,13m^2$ . Tuy nhiên sau khi xem xét thực tế diện tích đất và tài sản gắn liền với đất thì cần chia cho bà Y, ông Việt được nhận chung diện tích đất là  $85m^2$  mới đảm bảo được giá trị sử dụng tài sản. Phần diện tích đất ông Việt bà Y được nhận  $85m^2$  gồm các mốc giới: 9-10-11-4-12-13-14-9. Phần diện tích bà Y, ông Việt được nhận nhiều hơn  $6,87m^2$  (tức  $85m^2 - 78,13m^2$ ). Theo di chúc của anh Nguyễn Hoài A2 thì chị Liên được ở cùng cháu Nguyễn Ngọc A trên diện tích đất này, nên cần giao cho chị Liên và cháu Nguyễn Ngọc A được sử dụng chung diện tích đất còn lại là  $208m^2$ , gồm các mốc giới: 8-9-10-11-4-5-6-7-8. Phần diện tích đất chị Liên và cháu Ánh còn thiếu là  $6,87m^2$  thì bà Y, ông Việt phải thanh toán chênh lệch tài sản cho cháu Nguyễn Ngọc A và chị Tổng Thị L.

[13] Về thanh toán giá trị tài sản: Phần diện tích đất chị Tổng Thị L và cháu Nguyễn Ngọc A còn thiếu là  $6,87m^2$  thì bà Y, ông Việt phải thanh toán chênh lệch tài sản cho cháu Nguyễn Ngọc A và chị Tổng Thị L số tiền 5.496.000 đồng. Đối với mái tôn trên phần đất ông Việt, bà Y được nhận có kích thước là  $19,68m^2$  do bà Y, ông Việt, tự làm, tiếp tục được sử dụng. Phần tài sản ông Việt, bà Y nhận nhiều hơn so với giá trị tài sản được hưởng nên phải thanh toán chênh lệch cho chị L, cháu Ngọc Ánh số tiền là 1.976.074 đồng. Như vậy, ông Việt, bà Y phải thanh toán giá trị tài sản cho chị L là 7.472.074 đồng. Chị L thanh toán cho cháu Nguyễn Ngọc Anh số tiền 47.360.354 đồng là tiền chênh lệch tài sản.

[14] Về chi phí tố tụng: Bà Ngô Thị Y đã nộp chi phí tố tụng định giá, thẩm định tài sản, tại phiên tòa bà Ngô Thị Y không yêu cầu giải quyết khoản tiền này, Tòa án cấp sơ thẩm không xét. Đương sự không có kháng cáo về nội dung này nên Tòa án cấp phúc thẩm không xét.

[15] Từ các phân tích trên đây, có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn.

[16] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí. Ông Nguyễn Quốc V, bà Ngô Thị Y đã trên 70 tuổi có đơn xin miễn án phí; cháu Nguyễn Ngọc A là người chưa thành niên, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Quốc V, bà Ngô Thị Y, cháu Nguyễn Ngọc A. Chị Tổng Thị L phải nộp án phí đối với phần di sản thừa kế được nhận tương ứng với số tiền 125.955.400 đồng (94.720.000 đồng + 31.235.333 đồng) và yêu cầu phân tố chia nợ không được Tòa án chấp nhận 475.000.000 đồng tương ứng với số tiền 600.955.400 đồng. Anh Nguyễn Ngọc A1 phải chịu án phí đối với phần di sản thừa kế được nhận.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án nên chị Tổng Thị L là người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 5, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 162, khoản 1 Điều 164, khoản 1 Điều 166, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 237, 611, 612, 613, khoản 1 Điều 623 và các điều 624, 625, 627, 628, 635, 643, 644, 649, 650, 651, 659, 660 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 1, khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 3 của Luật Đất đai năm 1993;

Căn cứ Điều 33, Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Tổng Thị L, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Y: Chia di sản thừa kế của anh Nguyễn Hoài A2 theo di chúc đối với diện tích đất 369m<sup>2</sup>, thửa số 654, tờ bản đồ số 14, địa chỉ tại thôn H1 4, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng; chia di sản thừa kế của anh Nguyễn Hoài A2 theo pháp luật đối với tài sản gắn liền với diện tích đất nêu trên:

1.1. Xác định diện tích đất 76m<sup>2</sup>, trong tổng số 369m<sup>2</sup>, thửa số 654, tờ bản đồ số 14, địa chỉ tại thôn H1 4, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng, gồm có các mốc giới 19-20-7-8-9-14-19 là lối đi chung của bà Ngô Thị Y, ông Nguyễn Quốc V, chị Tổng Thị L, cháu Nguyễn Ngọc A.

1.2. Bà Ngô Thị Y, ông Nguyễn Quốc V được nhận chung diện tích đất 85m<sup>2</sup>, trong tổng số 369m<sup>2</sup>, thửa số 654, tờ bản đồ số 14, địa chỉ tại thôn H1 4, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng, gồm có các mốc giới 9-10-11-4-12-13-14-9 và được sở hữu các tài sản gắn liền tương ứng với diện tích được nhận.

1.3. Chị Tổng Thị L, cháu Nguyễn Ngọc A được nhận chung diện tích đất 208m<sup>2</sup>, trong tổng số 369m<sup>2</sup>, thửa số 654, tờ bản đồ số 14, địa chỉ tại thôn H1 4, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng, gồm có các mốc giới 8-9-10-11-4-5-6-7-8 và được sở hữu các tài sản gắn liền tương ứng với diện tích đất được nhận. Chị

Tổng Thị L là người quản lý các tài sản nêu trên cho cháu Nguyễn Ngọc A đến khi cháu Nguyễn Ngọc A đủ 18 tuổi và được sử dụng cùng cháu Nguyễn Ngọc A.

Về việc phân định các diện tích đất có các mốc giới, có sơ đồ kèm theo.

## 2. Về thanh toán chênh lệch tài sản:

- Ông Nguyễn Quốc Việt, bà Ngô Thị Y có trách nhiệm thanh toán cho chị Tổng Thị L số tiền 7.472.000 đồng là tiền chênh lệch giá trị tài sản.

- Chị Tổng Thị L có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Ngọc Anh số tiền 47.360.300 đồng là tiền chênh lệch giá trị tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Tổng Thị L về việc yêu cầu chia các khoản nợ bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị Ng, chị Tổng Thị Q, vợ chồng anh Tổng Khánh Ch chị Nguyễn Thị D, anh Tổng Phú B cho các đồng thừa kế. Tách yêu cầu trả nợ này ra giải quyết ở vụ án khác khi có yêu cầu.

## 4. Về án phí dân sự:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Ngô Thị Y, ông Nguyễn Quốc V, cháu Nguyễn Ngọc A.

- Chị Tổng Thị L phải chịu 30.047.770 đồng án phí dân sự sơ thẩm, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.500.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0017464 ngày 12/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, thành phố Hải Phòng và trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002100 ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, thành phố Hải Phòng; chị Tổng Thị L còn phải nộp tiếp số tiền 18.247.770 đồng.

- Anh Nguyễn Ngọc A1 phải chịu 2.368.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Anh Sơn**